

KẾ HOẠCH

Giám sát “Việc tuyển dụng quản lý, sử dụng biên chế viên chức giáo viên trên địa bàn huyện năm học 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022”

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015.

Thực hiện Quyết định số 189/QĐ-HĐND ngày 30/5/2022 của Thường trực HĐND huyện thành lập Đoàn giám sát về “Việc tuyển dụng quản lý, sử dụng biên chế viên chức giáo viên trên địa bàn huyện năm học 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022”

Đoàn giám sát xây dựng Kế hoạch giám sát, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm đánh giá tình hình tuyển dụng quản lý, sử dụng biên chế viên chức giáo viên trên địa bàn huyện năm học 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022. Trên cơ sở đó, Thường trực HĐND huyện có kiến nghị với UBND huyện hoặc các cấp có thẩm quyền, kịp thời thực hiện các giải pháp khắc phục những khó khăn, bất cập, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả quản lý sử dụng biên chế viên chức giáo viên trên địa bàn huyện.

2. Yêu cầu

Tổ chức hoạt động giám sát theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính khách quan, toàn diện, cụ thể và hiệu quả; đồng thời không làm ảnh hưởng đến hoạt động của các cơ quan, đơn vị chịu sự giám sát.

II. ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC GIÁM SÁT

1. **Đối tượng giám sát:** UBND huyện, phòng Nội vụ huyện; phòng Giáo dục và Đào tạo huyện; các trường học trên địa bàn huyện.

2. **Nội dung giám sát:** Giám sát việc tuyển dụng quản lý, sử dụng biên chế viên chức giáo viên trên địa bàn huyện năm học 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022 (có đề cương gợi ý báo cáo và các phụ lục biểu mẫu kèm theo).

3. **Hình thức giám sát:** Giám sát trực tiếp và giám sát qua báo cáo.

III. THÀNH PHẦN ĐOÀN GIÁM SÁT VÀ PHƯƠNG PHÁP TIẾN HÀNH GIÁM SÁT

1. **Thành phần Đoàn giám sát:** Thành phần Đoàn giám sát theo Quyết định số 189/QĐ-HĐND ngày 30/5/2022 của Thường trực HĐND huyện.

2. **Thời gian và địa điểm giám sát:** Dự kiến đầu tháng 6 năm 2022 (thời gian cụ thể sẽ có thông báo riêng)

3. Phương pháp tiến hành giám sát

Đoàn giám sát Thường trực HĐND huyện sẽ nghiên cứu báo cáo của các cơ quan, đơn vị chịu sự giám sát gửi về Thường trực HĐND huyện; tổng hợp những kết quả đã đạt được; những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc. Sau đó, sẽ có buổi làm việc với UBND huyện, các cơ quan chuyên môn để kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc hoặc kiến nghị với cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, đơn vị chịu sự giám sát tại mục 1 phần II của Kế hoạch có trách nhiệm xây dựng báo cáo kết quả việc tuyển dụng quản lý, sử dụng biên chế viên chức giáo viên trên địa bàn huyện năm học 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022 theo đề cương gợi ý báo cáo gửi kèm Kế hoạch này, gửi về Thường trực HĐND huyện (qua Văn phòng HĐND-UBND huyện) **trước ngày 08/6/2022**, đồng thời gửi bản Word qua địa chỉ Email: hdndchupuhgialai@gmail.com để tiện cho việc tổng hợp.

2. Yêu cầu các thành viên Đoàn giám sát thu thập thông tin, nghiên cứu tài liệu để có ý kiến trong quá trình giám sát và bố trí thời gian tham gia Đoàn đầy đủ.

3. Văn phòng HĐND-UBND huyện có trách nhiệm tham mưu, giúp Thường trực HĐND huyện tổng hợp kết quả giám sát việc quản lý, sử dụng biên chế viên chức giáo viên trên địa bàn huyện, năm học 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022.

Trên đây là Kế hoạch giám sát của Thường trực HĐND huyện về việc tuyển dụng, quản lý, sử dụng biên chế viên chức giáo viên trên địa bàn huyện năm học 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022. Đề nghị các cơ quan, đơn vị chịu sự giám sát triển khai thực hiện theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các thành viên trong Đoàn;
- Các đơn vị chịu sự giám sát;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu VT; HĐ.



**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Minh Thuận

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHƯ PƯH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Chư Pưh, ngày tháng năm 2022

ĐỀ CƯƠNG GỢI Ý XÂY DỰNG BÁO CÁO
Công tác tuyển dụng quản lý, sử dụng biên chế viên chức giáo viên
trên địa bàn huyện năm học 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022
(Đối với UBND huyện và cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện)

I. Khái quát tình hình chung

1. Đặc điểm tình hình của địa phương: về kinh tế, văn hóa, xã hội, dân số..
 - Tổng số đơn vị trường học, tổng số lớp, tổng số học sinh trên địa bàn huyện. Trong đó, THCS, TH-THCS, TH, Mầm non (*mỗi cấp học ghi rõ số trường, số lớp, số học sinh; thể hiện rõ theo từng năm học*)
 - Tổng số biên chế viên chức được giao năm học 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022 (*ghi rõ từng năm*). Trong đó, THCS, TH-THCS, TH, Mầm non (*mỗi cấp học ghi rõ CBQL, giáo viên, nhân viên, kể cả hợp đồng theo Nghị định 68 và nghị định 161 của Chính phủ, thể hiện rõ theo từng năm học*)
2. Việc thực hiện các văn bản pháp lý quy định việc tuyển dụng, quản lý, sử dụng biên chế viên chức giáo viên trên địa bàn huyện năm học 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022.

II. Kết quả thực hiện (phụ lục 1,4 kèm theo)

1. Công tác giao biên chế viên chức năm học 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022 cho các trường (*kèm theo Quyết định giao biên chế*)
2. Kết quả việc sử dụng biên chế được giao (*tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hiện có, thể hiện theo từng năm học*)
 - a. Công tác tuyển dụng viên chức; kế hoạch tuyển dụng viên chức năm học 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022.
 - b. Tiếp nhận viên chức đến, bố trí cho các trường trong năm học 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022.
 - c. Cho viên chức chuyển công tác ngoài biên chế các trường từ năm học 2019-2020 đến ngày 30/5/2022.
 - d. Việc giải quyết cho viên chức nghỉ hưu, nghỉ thôi việc từ năm học 2019-2020 đến ngày 30/5/2022.
 - đ. Việc điều động nội bộ viên chức giữa các trường thuộc phạm vi quản lý của UBND huyện năm học 2019-2020 đến ngày 30/5/2022.
 - e. Việc thực hiện biệt phái đối với viên chức từ năm học 2019-2020 đến ngày 30/5/2022.
3. Tình hình sử dụng nguồn kinh phí chi hoạt động thường xuyên của các đơn vị trường học để chi trả tiền dạy vượt giờ định mức và lương cho hợp đồng lao động ngoài biên chế được giao (để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và nhiệm vụ khác).

III. Đánh giá chung.

1. Ưu điểm

2. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc

3. Nguyên nhân (khách quan, chủ quan)

IV. Kiến nghị, đề xuất (đối với từng cấp, từng cơ quan)

**Ghi chú: trong báo cáo phải thể hiện rõ các mục số liệu và thể hiện theo từng năm./*

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHƯ PƯH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Chư Puh, ngày tháng năm 2022

ĐỀ CƯƠNG GỢI Ý XÂY DỰNG BÁO CÁO

**Công tác tuyển dụng quản lý, sử dụng biên chế viên chức giáo viên
trên địa bàn huyện năm học 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022**
(Đối với các Trường THCS, TH-THCS, TH, Mầm non trên địa bàn huyện)

I. Khái quát tình hình chung

1. Quy mô về hạng trường, tổng số biên chế viên chức, giáo viên, nhân viên, tổng số học sinh, lớp học và việc bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, tỷ lệ giáo viên/lớp trong 3 năm học (*năm học 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022, thể hiện rõ từng năm*).

2. Tình hình thừa, thiếu cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo định mức quy định trong 3 năm học (*năm học 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022, thể hiện rõ từng năm*)

II. Kết quả thực hiện (phụ lục 2,3,4 kèm theo)

1. Biên chế viên chức được giao cho trường trong năm học 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022 (*kể cả hợp đồng theo Nghị định 68 và nghị định 161 của Chính phủ, thể hiện số liệu theo từng năm học, kèm theo Quyết định giao biên chế*)

2. Kết quả việc sử dụng biên chế được giao, số lượng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của trường trong 3 năm học (2019-2020; 2020-2021; 2021-2022)

a. Công tác tiếp nhận viên chức trong 3 năm (*thể hiện từng năm học*).

b. Việc cho viên chức chuyển công tác trong 3 năm (*thể hiện từng năm học*).

c. Việc giải quyết cho viên chức nghỉ hưu, nghỉ thôi việc từ năm học 2019-2020 đến ngày 30/5/2022.

d. Việc thực hiện biệt phái đối với viên chức từ năm học 2019-2020 đến ngày 30/5/2022.

3. Tình hình sử dụng nguồn kinh phí chi hoạt động thường xuyên của trường để chi trả tiền dạy vượt giờ định mức và lương cho hợp đồng lao động ngoài biên chế được giao (để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và nhiệm vụ khác).

III. Đánh giá chung.

1. Ưu điểm

2. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc

3. Nguyên nhân (khách quan, chủ quan)

IV. Kiến nghị, đề xuất (đối với từng cấp, từng cơ quan)

***Ghi chú:** trong báo cáo phải thể hiện rõ các mục số liệu và thể hiện theo từng năm.

Phụ lục 1:
Năm học 2019-2020

**BẢNG TỔNG HỢP TRƯỞNG, LỚP, ĐỘI NGŨ CBQL, GV, NV CÁC ĐƠN VỊ TRƯỜNG HỌC
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN, NĂM HỌC 2019-2020**
Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 190/KH-HĐND ngày 5/2022 của Thường trực HĐND huyện

STT	Trường.....	Tổng số học sinh	Tổng số lớp học	Tỷ lệ học sinh/lớp	Tỷ lệ học sinh/lớp	Tỷ lệ giáo viên/lớp	Thiếu (-) Thừa (+)	Tổng số CBQL, GV, NV hiện có mặt (năm học 2019-2020)	Trong đó (biên chế viên chức)			Hợp đồng theo ND 68, ND 161		Viên chức tăng trong năm học 2019-2020	Trong đó			Viên chức giảm trong năm học 2019-2020	Trong đó			Viên chức biệt phái		Hợp đồng		
									CBQL	Giáo viên	Nhân viên	Biên chế giao	Hiện có		Tuyên dụng	Tiếp nhận đến	Điều động nội bộ		Nghỉ hưu, thôi việc	Thuyên chuyển đi	Thuyên chuyển nội bộ	Đi	Đến	Trong biên chế	Ngoài biên chế	
1	Bậc THCS	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	
1	THCS																									
2																									
	Công																									
II	Bậc Tiểu học																									
1	Tiểu học.....																									
2																									
	Công																									
1	Tiểu học - THCS.....																									
2																									
	Công																									
III	Bậc Mầm non																									
1	Mầm non																									
2																									
	Công																									
	Tổng cộng																									

Ghi chú: Đề nghị thống kê số Trường Mầm non ngoài công lập và ghi cụ thể số giáo viên thừa (thiếu) từng bộ môn

Phụ lục 1:
Năm học 2020-2021

**BẢNG TỔNG HỢP TRƯỞNG, LỚP, ĐỘI NGŨ CBQL, GV, NV CÁC ĐƠN VỊ TRƯỜNG HỌC
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN, NĂM HỌC 2020-2021**
Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 150/KH-HDND ngày 5/2022 của Thường trực HĐND huyện

STT	Trường.....	Tổng số học sinh	Tổng số lớp học	Tỷ lệ học sinh/lớp	Tỷ lệ học sinh/lớp	Biên chế viên chức giáo viên năm học 2020-2021	Tỷ lệ giáo viên/lớp	Thiếu (-) Thừa (+)	Tổng số CBQL, GV, NV hiện có mặt (năm học 2020-2021)	Trong đó (biên chế viên chức)			Hợp đồng theo ND 68, ND 161		Viên chức tăng trong năm học 2020-2021	Trong đó			Viên chức giám trong năm học 2020-2021	Trong đó			Viên chức biệt phái		Hợp đồng			
										CBQL	Giáo viên	Nhân viên	Biên chế	Hiện có		Tuyển dụng	Tiếp nhận đến	Điều động nội bộ		Nghỉ hưu, thời việc	Thuyển chuyển đi	Điều động nội bộ	Đi	Đến	Trong biên chế	Ngoài biên chế		
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26			
1	Bậc THCS																											
1	THCS																											
2																											
	Công																											
II	Bậc Tiểu học																											
1	Tiểu học.....																											
2																											
	Công																											
1	Tiểu học -THCS.....																											
2																											
	Công																											
III	Bậc, Mầm non																											
1	Mầm non																											
2																											
	Công																											
	Tổng cộng																											

Ghi chú: Đề nghị thống kê số Trường Mầm non ngoài công lập và ghi cụ thể số giáo viên thừa (thiếu) từng bộ môn

Phụ lục 1:

Năm học 2021-2022

**BẢNG TỔNG HỢP TRƯỞNG, LỚP, ĐỘI NGŨ CBQL, GV, NV CÁC ĐƠN VỊ TRƯỞNG HỌC
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN, NĂM HỌC 2021-2022**

Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 30 /KH-HĐND ngày 5/2022 của Thường trực HĐND huyện

STT	Trường.....	Tổng số học sinh	Tổng số lớp học	Tỷ lệ học sinh/lớp	Tỷ lệ học sinh/lớp	Biên chế viên chức năm học 2021-2022	Tỷ lệ giáo viên/lớp	Thừa (-) Thiếu (+)	Tổng số CBQL, GV, NV hiện có mặt (năm học 2021-2022)	Trong đó (biên chế viên chức)			Hợp đồng theo ND 68, ND 161		Viên chức tăng trong năm học 2021-2022	Trong đó			Viên chức biệt phái		Hợp đồng					
										CBQL	Giáo viên	Nhân viên	Biên chế	Hiện có		Tuyển dụng	Tiếp nhận đến	Điều động nội bộ	Thuyên chuyển đi	Nghỉ hưu, thời việc	Đi	Đến	Trong biên chế	Ngoài biên chế		
I	Bậc THCS	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	
1	THCS.....																									
2	THCS.....																									
	Cộng																									
II	Bậc Tiểu học																									
1	Tiểu học.....																									
2	Tiểu học.....																									
	Cộng																									
1	Tiểu học - THCS.....																									
2	Tiểu học - THCS.....																									
	Cộng																									
III	Bậc, Mầm non																									
1	Mầm non																									
2	Mầm non																									
	Cộng																									
	Tổng cộng																									

Ghi chú: Đề nghị thống kê số Trường Mầm non ngoài công lập và ghi cụ thể số giáo viên thừa (thiếu) từng bộ môn

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PƯH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 2:
Năm học 2019-2020

THÔNG KÊ HỌC SINH, LỚP VÀ ĐỘI NGŨ CBQL, GV, NV CỦA TRƯỜNG

Ban hành kèm theo Kế hoạch số: **190/KH-HDND** ngày **05/5/2022** của Thường trực HDND huyện

Tổng số học sinh	Tổng số lớp học	Tỷ lệ học sinh/ lớp	Biên chế giao năm học 2019-2020	Tỷ lệ giáo viên/ lớp	Thừa(+) Thiếu(-)	Tổng số CBQL, GV, NV hiện có mặt (năm học 2019-2020)	Trong đó (biên chế viên chức)			Hợp đồng theo ND 68, ND 161		Viên chức tăng trong năm học 2019-2020	Trong đó			Viên chức giám trong năm học 2019-2020	Trong đó			Viên chức biệt phái		Hợp đồng		
							CBQL	Giáo viên	Nhân viên	Biên chế giao	Hiện có		Tuyển dụng	Tiếp nhận đến	Điều động nội bộ		Nghỉ hưu, thôi việc	Thuyển chuyển đi	Điều động nội bộ	Đi	Đến	Trong biên chế	Ngoài biên chế	

Ghi chú: để nghị ghi cụ thể giáo viên thừa (thiếu) từng bộ môn

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN CHỦ PUH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 2:
Năm học 2020-2021

THÔNG KÊ HỌC SINH, LỚP VÀ ĐỘI NGŨ CBQL, GV, NV CỦA TRƯỜNG

Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 190/KH-HDND ngày 5/5/2022 của Thường trực HDND huyện

Tổng số học sinh	Tổng số lớp học	Tỷ lệ học sinh/lớp học	Biên chế giao năm học 2020-2021	Tỷ lệ giáo viên/lớp	Thừa(+) Thiếu(-)	Tổng số CBQL, GV, NV hiện có mặt (năm học 2020-2021)	Trong đó (biên chế viên chức)			Hợp đồng theo ND 68, ND 161		Viên chức tăng trong năm học 2020-2021	Trong đó			Viên chức giám đốc trong năm học 2020-2021	Trong đó			Viên chức biệt phái		Hợp đồng			
							CBQL	Giáo viên	Nhân viên	Biên chế giao	Hiện có		Tuyển dụng	Tiếp nhận đến	Điều động nội bộ		Nghỉ hưu, thôi thời việc	Thuyên chuyển đi	Điều động nội bộ	Đến	Trong biên chế	Ngoài biên chế			

Ghi chú: đề nghị ghi cụ thể giáo viên thừa (thiếu) từng bộ môn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PŨH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ lục 2:

Năm học 2021-2022

THỐNG KÊ HỌC SINH, LỚP VÀ ĐỘI NGŨ CBQL, GV, NV CỦA TRƯỜNG

Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 190/KH-HĐND ngày 5/5/2022 của Thường trực HĐND huyện

Tổng số học sinh	Tổng số lớp học	Tỷ lệ học sinh/lớp	Biên chế giao năm học 2021-2022	Tỷ lệ giáo viên/ốp	Thừa(+) Thiếu(-)	Tổng số CBQL, GV, NV hiện có mặt (năm học 2021-2022)	Trong đó (biên chế viên chức)			Hợp đồng theo ND 68, ND 161	Viên chức tăng trong năm học 2022-2022	Trong đó			Viên chức giám sát trong năm học 2021-2022	Trong đó			Viên chức biệt phái		Hợp đồng			
							CBQL	Giáo viên	Nhân viên			Biên chế giao	Hiện có	Tuyển dụng		Tiếp nhận đến	Điều động nội bộ	Nghi hưu, thôi việc	Thuyên chuyển đi	Điều động nội bộ	Đi	Đến	Trong biên chế	Ngoài biên chế

Ghi chú: để nghị ghi cụ thể giáo viên thừa (thiếu) từng bộ môn

BIỂU TỔNG HỢP THÔNG KÊ THỰC TRẠNG ĐỘI NGŪ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN THCS
Phụ lục 4

TT	Nội dung	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Đảng viên	Biên chế hiện có (năm học 2019-2020)													
						Theo danh nghề nghiệp		Theo trình độ		Theo độ tuổi									
						Hàng I	Hàng II	Hàng III	Hàng IV	Trên ĐH	ĐH	Còn lại	≤ 25	26-30	31-35	36-40	41-45	46-50	51-55
I	Cán bộ quản lý																		
1	Hiệu trưởng																		
2	Phó Hiệu trưởng																		
II	Giáo viên																		
1	Giáo viên Văn																		
2	Giáo viên Sử																		
3	Giáo viên Địa																		
4	Giáo viên GDCC																		
5	Giáo viên Thể dục																		
6	Giáo viên Anh																		
7	Giáo viên Toán																		
8	Giáo viên Lý																		
9	Giáo viên Hoá																		
10	Giáo viên Sinh																		
11	Giáo viên Công nghệ																		
12	Giáo viên Nhạc																		
13	Giáo viên Hoạ																		
14	Giáo viên Tin																		
	Tự chọn																		
	HDNGLL																		
III	Tổng phụ trách đội																		
IV	Nhân viên																		
1	Kế toán																		
2	Văn thư, thủ quỹ																		
3	Y tế học đường																		
4	Thư viện																		
5	TB-TN																		
6	HC khác																		
	Tổng cộng																		

*Ghi chú: Biểu mẫu này thể hiện cho năm học 2019-2020; còn 02 năm học (2020-2021 và 2021-2022) căn cứ vào biểu mẫu này để thể hiện; mỗi năm thể hiện một biểu mẫu.

**BIỂU TỔNG HỢP THỐNG KÊ THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ,
GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN TH, TH-THCS**

Phụ lục 4

TT	Nội dung	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Đảng viên	Biên chế hiện có (năm học 2019-2020)								Theo độ tuổi								
						Theo danh nghề nghiệp				Theo trình độ CM đào tạo		Theo độ tuổi		Theo độ tuổi		Theo độ tuổi		Theo độ tuổi				
						Hàng I	Hàng II	Hàng III	Hàng IV	Trên DH	DH	Còn lại	≤ 25	26-30	31-35	36-40	41-45	46-50	51-55	56-60	Trên 60	
I	Cán bộ quản lý																					
1	Hiệu trưởng																					
2	Phó Hiệu trưởng																					
II	Giáo viên																					
1	Giáo viên môn																					
2	Giáo viên																					
3																						
4																						
14																						
III	Tổng phụ trách đội																					
IV	Nhân viên																					
1	Kế toán																					
2	Văn thư, thủ quỹ																					
3	Y tế học đường																					
4	Thư viện																					
5	TB-TN																					
6	HC khác																					
	Tổng cộng																					

*Ghi chú: Biểu mẫu này thể hiện cho năm học 2019-2020; còn 02 năm học (2020-2021 và 2021-2022) căn cứ vào biểu mẫu này để thể hiện; mỗi năm thể hiện một biểu mẫu.

BIỂU TỔNG HỢP THÔNG KÊ THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN MẦM NON
Phụ lục 4

TT	Nội dung	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Đảng viên	Biên chế hiện có (năm học 2019-2020)								Theo độ tuổi						
						Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tên DH	CM đào tạo	Còn lại	< 25	26-30	31-35	36-40	41-45	46-50	51-55	56-60
I	Cán bộ quản lý																			
1	Hiệu trưởng																			
2	Phó Hiệu trưởng																			
II	Giáo viên																			
1	Giáo viên																			
2																			
III	Tổng phụ trách đội																			
IV	Nhân viên																			
1	Kế toán																			
2	Văn thư, thủ quỹ																			
3	Y tế học đường																			
4	HC khác																			
	Tổng cộng																			

*Ghi chú: Biểu mẫu này thể hiện cho năm học 2019-2020; còn 02 năm học (2020-2021 và 2021-2022) căn cứ vào biểu mẫu này để thể hiện; mỗi năm thể hiện một biểu mẫu.